

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
TUẦN 13 (TỪ 29.11.21 ĐẾN 04.12.21)

1. MÔN: HÓA HỌC KHỐI 8

CHỦ ĐỀ 9:

CHUYỂN ĐỔI KHỐI LƯỢNG, THỂ TÍCH VÀ LƯỢNG CHẤT

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

1. Chuyển đổi giữa lượng chất (số mol) và khối lượng.

$$\boxed{m = n \cdot M \text{ (g)}} \longrightarrow \boxed{n = \frac{m}{M} \text{ (mol)}} ; \boxed{M = \frac{m}{n} \text{ (g/mol)}}$$

Trong đó $\left\{ \begin{array}{l} m: \text{ là khối lượng chất, đơn vị là g.} \\ n: \text{ là lượng chất (số mol), đơn vị là mol.} \\ M: \text{ là khối lượng mol chất, đơn vị là g/mol} \end{array} \right.$

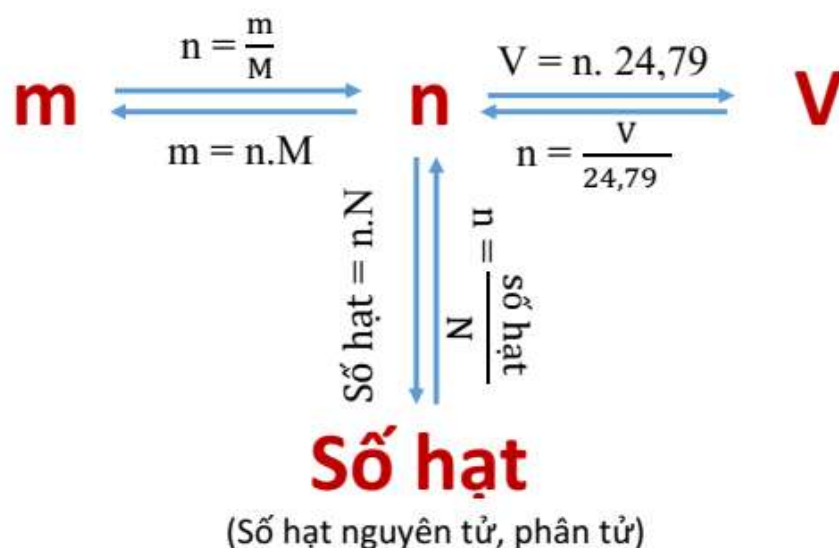
2. Chuyển đổi giữa lượng chất (số mol) và thể tích.

Ở điều kiện chuẩn (25⁰C, áp suất 1 bar)

$$\boxed{V = n \cdot 24,79 \text{ (lít)}} \longrightarrow \boxed{n = \frac{V}{24,79} \text{ (mol)}}$$

Trong đó $\left\{ \begin{array}{l} V: \text{ là thể tích chất khí, đơn vị là lít (l).} \\ n: \text{ là lượng chất (số mol), đơn vị là mol.} \end{array} \right.$

B. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC: *Hs ôn lại các công thức chuyển đổi.*



Kết luận: Muốn tìm khối lượng (m), thể tích (V) hay số hạt nguyên tử, phân tử thì đều phải có số mol (n)

C. BÀI TẬP: Hs làm các bài tập sau:

Lưu ý: Biết thể tích các khí đo ở điều kiện chuẩn (25°C , 1 bar), nguyên tử khối của các nguyên tử xem bảng 1 số nguyên tố hóa học

Bài 1. Tính số mol của chất sau:

- 3,7185 lít SO_2
- 16,8 g CaO
- $0,36 \cdot 10^{23}$ hạt phân tử H_3PO_4

Gợi ý bài làm:

Tìm số mol (n) theo công thức thích hợp

Mẫu: Số mol của 76,5 g Al_2O_3

$$M = 27 \times 2 + 16 \times 3 = 102 \text{ g/mol}$$

$$n = \frac{m}{M} = \frac{76,5}{102} = 0,75 \text{ mol}$$

Vậy số mol của 76,5 g Al_2O_3 là 0,75 mol

Số mol của 5,9496 lít Cl_2

$$n = \frac{V}{24,79} = \frac{5,9496}{24,79} = 0,24 \text{ (mol)}$$

Vậy số mol của 5,9496 lít Cl₂ là 0,24 mol

Bài 2. Tính khối lượng của

- a) 0,5 mol HCl
- b) 2,9748 lít N₂
- c) 4,8.10²³ hạt phân tử CuSO₄

Gợi ý bài làm:

- Tìm khối lượng mol (M) theo NTK hoặc PTK (nếu cần)
- Tìm số mol (n) theo công thức phù hợp
- Tìm khối lượng (m) theo công thức phù hợp

Mẫu: Khối lượng của 0,72. 10²³ hạt phân tử MgO

$$n = \frac{\text{số phân tử MgO}}{N} = \frac{0,72 \cdot 10^{23}}{6 \cdot 10^{23}} = 0,12 \text{ mol}$$

$$M_{\text{MgO}} = 24 + 16 = 40 \text{ g/mol}$$

$$m = n \cdot M = 0,12 \times 40 = 4,8 \text{ (g)}$$

Vậy khối lượng của MgO là 4,8 g

Bài 3. Tính thể tích của

- a) 0,45 mol Cl₂
- b) 13,2 g CO₂
- c) 1,5. 10²³ hạt phân tử mol O₂

Gợi ý bài làm:

- Tìm khối lượng mol (M) theo NTK hoặc PTK (nếu cần)
- Tìm số mol (n) theo công thức phù hợp
- Tìm thể tích (V) theo công thức phù hợp

Mẫu: Thể tích của 10,08 g N₂

$$M = 2 \cdot 14 = 28 \text{ g/mol}$$

$$n = \frac{m}{M} = \frac{10,08}{28} = 0,36 \text{ mol}$$

$$V = n \cdot 24,79 = 0,36 \times 24,79 = 8,9244 \text{ lít}$$

Vậy thể tích N₂ là 8,9244 lít

D. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Làm bài tập
- Kiểm tra đánh giá thường xuyên lần 2: ôn tập PTHH và chuyển đổi m, n, V.
- Xem trước bài Tỉ khối

-----HẾT-----

2A. MÔN: ĐẠI SỐ 8

Bài 4: QUY ĐỒNG MẪU THỨC NHIỀU PHÂN THỨC

A. NỘI DUNG BÀI GIỚI:

1/ Tìm mẫu thức chung

- Phân tích các mẫu thành nhân tử (nếu có)
- Chọn nhân tử số (BC của các nhân tử là số trong các mẫu) và tất cả các nhân tử chứa biến (chung và riêng trong các mẫu) với số mũ lớn nhất. Tích đó là MTC.

2/ Quy đồng mẫu thức

Muốn quy đồng mẫu thức nhiều phân thức ta làm như sau:

- Phân tích các mẫu thành nhân tử rồi tìm MTC
- Tìm nhân tử phụ của mỗi mẫu thức (bằng cách chia MTC cho từng mẫu)
- Nhân cả tử và mẫu của mỗi phân thức với nhân tử phụ tương ứng

LUYỆN TẬP

Bài 1

a) $\frac{5}{8x^5y^3}, \frac{7}{12x^3y^4}$

b) $\frac{x+3}{2x-6}, \frac{x^2-4}{x^2-9}$

c) $\frac{10}{x-2}; \frac{x}{2x+4}; \frac{9}{6-3x}$

d) $\frac{1}{4x^2-8x+4}, \frac{5}{6x^2-6x}, 2x$

Giải

a) MTC: $24x^5y^4$

NTP: $24x^5y^4 : 8x^5y^3 = 3y$

$24x^5y^4 : 12x^3y^4 = 2x^2$

Quy đồng

$$\frac{5}{8x^5y^3} = \frac{5 \cdot 3y}{8x^5y^3 \cdot 3y} = \frac{15y}{24x^5y^4}$$

$$\frac{7}{12x^3y^4} = \frac{7 \cdot 2x^2}{12x^3y^4 \cdot 2x^2} = \frac{14x^2}{24x^5y^4}$$

b) $2x-6 = 2(x-3)$

$x^2-9 = (x-3)(x+3)$

MTC: $2(x-3)(x+3)$

Quy đồng

$$\frac{x+3}{2x-6} = \frac{(x+3).(x+3)}{2(x-3).(x+3)} = \frac{(x+3)^2}{2(x-3)(x+3)}$$

$$\frac{x^2-4}{x^2-9} = \frac{(x^2-4).2}{(x-3)(x+3).2} = \frac{2x^2-4}{2(x-3)(x+3)}$$

$$c) \frac{9}{6-3x} = \frac{-9}{3x-6}$$
$$x-2 = x-2$$

$$2x+4 = 2(x+2)$$

$$3x-6 = 3(x-2)$$

MTC: $6(x-2)(x+2)$

Quy đồng

$$\frac{10}{x-2} = \frac{10.6(x+2)}{(x-2).6(x+2)} = \frac{60x+120}{6(x-2)(x+2)}$$

$$\frac{x}{2x+4} = \frac{x.3(x-2)}{2(x+2).3(x-2)} = \frac{3x^2-6x}{6(x-2)(x+2)}$$

$$\frac{-9}{3x-6} = \frac{-9.2(x+2)}{3(x-2).2(x+2)} = \frac{-18x-36}{6(x-2)(x+2)}$$

$$d) 4x^2 - 8x + 4 = 4(x^2 - 2x + 1) = 4(x-1)^2$$

$$6x^2 - 6x = 6x(x-1)$$

$$1=1$$

MTC: $12x(x-1)^2$

Quy đồng

$$\frac{1}{4x^2-8x+4} = \frac{1.3x}{4(x-1)^2.3x} = \frac{3x}{12x(x-1)^2}$$

$$\frac{5}{6x^2-6x} = \frac{5.2(x-1)}{6x(x-1).2(x-1)} = \frac{10x-10}{12x(x-1)^2}$$

$$2x = \frac{2x.12x(x-1)^2}{1.12x(x-1)^2} = \frac{24x^2(x-1)^2}{12x(x-1)^2}$$

B. LUYỆN TẬP Ở NHÀ:

- Xem bài học, các ví dụ

- Làm các bài tập : 14,15,16,18/sgk 43

2B. MÔN: TOÁN. HÌNH HỌC LỚP 8

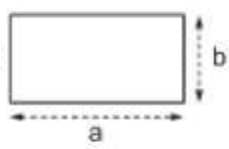
DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT

A. NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Khái niệm diện tích đa giác : xem SGK/116

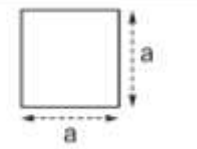
2. Công thức tính diện tích hình chữ nhật

Diện tích hình chữ nhật bằng tích hai kích thước của nó :

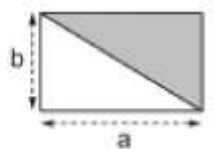
$$S = a . b.$$


3. Công thức tính diện tích hình vuông, tam giác vuông

Diện tích hình vuông bằng bình phương cạnh của nó :

$$S = a^2.$$


Diện tích tam giác vuông bằng nửa tích hai cạnh góc vuông :

$$S = \frac{1}{2} a . b.$$


Bài 6: trang 118 sgk

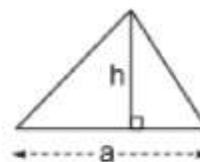
- a) CD tăng 2 lần, CR không đổi thì S tăng 2 lần
- b) CD và CR tăng 3 lần thì S tăng 9 lần
- c) CD tăng 4 lần , CR giảm 4 lần thì S không thay đổi.

DIỆN TÍCH TAM GIÁC

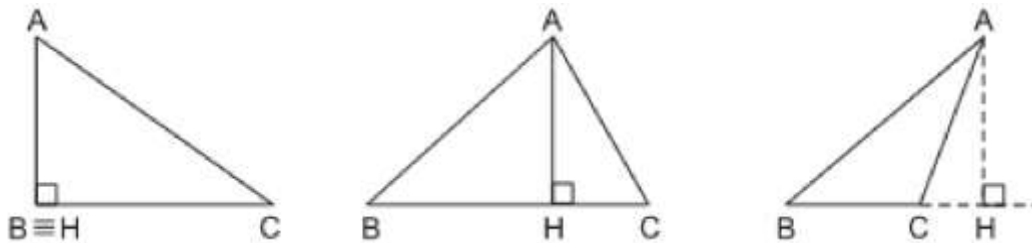
Định lí

Diện tích tam giác bằng nửa tích của một cạnh với chiều cao ứng với cạnh đó :

$$S = \frac{1}{2} a . h.$$

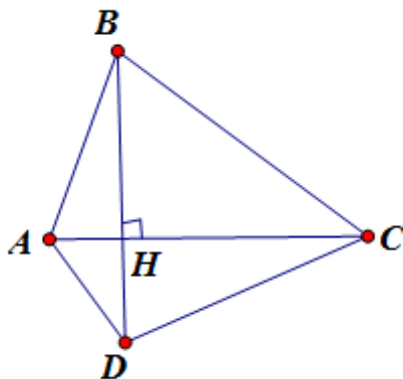


| | |
|----|---|
| GT | ΔABC có diện tích là S $AH \perp BC$ |
| KL | $S = \frac{1}{2} BC . AH$ |



VD 2: Cho tứ giác ABCD có AC vuông góc với BD, AC = 8cm, BD = 5 cm. Hãy tính diện tích của tứ giác đó.

Hướng dẫn



$$S_{ABC} = (BH.AC):2$$

$$S_{ADC} = (DH.AC):2$$

$$S_{ABCD} = (BD.AC):2 = 20 \text{ cm}^2$$

B.LUYỆN TẬP Ở NHÀ:

-Học thuộc các công thức tính diện tích

-Làm các bài tập sau: Bài 17 +18 Sgk/121 + bài 21 Sgk/122

-----HẾT-----

3. MÔN: TIẾNG ANH 8

NỘI DUNG TRỌNG TÂM

➤ TIẾT 37 + 38 : Unit 6 Speak and Listen

A. LÝ THUYẾT

SPEAK.

New words :

- | | |
|--|---------------------|
| 1. Favor = Kindness | : ân huệ, lòng tốt |
| 2. Assistance = help | : sự trợ giúp |
| 3. Respond = answer | : phản hồi, hồi đáp |
| 4. Offer = suggest | : đề nghị |
| 5. Unite = join together for a purpose | : đoàn kết |
| 6. Peace # war | : hòa bình |

Look at the phrases in the boxes. Then practice the dialogues with a partner.

| Asking for favors (xin sự giúp đỡ) | Responding to favors (hồi đáp lại xin sự giúp đỡ) |
|--|--|
| Can/Could you help me, please? Could you do me a favor? I need a favor. Can/Could you...? | Certainly/ Of course/ Sure. No problem. What can I do for you? How can I help you? I'm sorry. I'm really busy. |
| Offering assistance (đề nghị giúp đỡ ai) | Responding to assistance (hồi đáp lại lời đề nghị) |
| May I help you? Do you need any help? Let me help you. | Yes/No. Thank you. Yes. That's very kind of you. No. Thank you. I'm fine. |

a.

Mrs. Ngoc: Could you do me a favor, please?

Hoa: Sure. What can I do for you?

Mrs. Ngoc: Can you help me carry my bags? I've hurt my arm.

Hoa: Certainly. I'll help you.

Mrs. Ngoc: Thank you very much. That's very kind of you.

b.

Receptionist: May I help you?

Tourist: Yes. Can you show me the way to the nearest bank?

Receptionist: Sure. Turn right when you get out of the hotel. Turn left at the first corner. It's on your right.

Tourist: Thank you very much.

Now use the appropriate phrases in the box to make similar dialogues about some of the following situations with a partner.

(Bây giờ em hãy sử dụng các cụm từ thích hợp trong khung để làm những hội thoại tương tự về một vài tình huống sau đây với bạn em.)

1. Tourist needs to find a police station because of losing money

Tourist: Could you do me a favor?

You: Sure. What can I do for you?

Tourist: I lost my money. Could you show me the way to the nearest police station?

You: Certainly. Turn right out of the station. Turn right again at the first corner. Go straight ahead until you see the police station on your right.

Tourist: Thank you very much.

You: You're welcome.

2. has a broken leg

You: May I help you?

Neighbor: Yes. My leg broke. Can you help me to tidy the yard, please?

You: Of course. Now, let me help you.

Neighbor: Thank you. That's very kind of you.

3. fix the tire

Your friend: Can you help me, please?

You: How can I help you?

Your friend: My bike has a flat tire. Can you help me to fix it?

You: Certainly. I'll help you.

Your friend: Thanks a lot.

4. go to the market

You: Do you need any help?

Your aunt: I need some vegetables, but I'm busy cooking meals now. Can you go to the market and buy some for me?

You: No problem. What do you need?

Your aunt: Thank you. That's very kind of you. I need some carrots, some salads and...

LISTEN

| | |
|--|--|
| Children of our land (1)_____ | Children of the (8)_____hold hands. |
| Let's sing for (2) _____, | Let's (9)_____ our love from (10)_____ to |
| Let's sing for (3) _____. | place. |
| Let's sing for the (4)_____ between | Let's shout (11)_____ loud, |
| (5)_____ and (6)_____ | Let's make a (12)_____ , |
| Oh, children (7)_____ our land, unite. | Oh, children of the (13)_____, hold hands. |

KEY

Children of our land (1) **unite**.
Let's sing for (2) **peace**.
Let's sing for (3) **right**.
Let's sing for the (4) **love**
between (5) **north and** (6) **south**. Oh,
children (7) **of** our land, unite.

Children of the (8) **world** hold hands.
Let's (9) **show** our love from (10) **place** to
place,
Let's shout (11) **out** loud,
Let's make a (12) **stand**,
Oh, children of the (13) **world**, hold hands.

TIẾT 39 : UNIT 6 READ

I. Vocabulary:

- (a) scout (n) : hướng đạo sinh
- (-to) build-built-built : xây dựng
- (-to) encourage (v) : khuyến khích
- fitness (n) : thể dục
- citizenship (n) : quyền công dân
- (-to) establish (v) : thành lập
- (an) association (n) : hiệp hội
- (an) aim (n) : mục đích

II. READING

Vietnamese youth from 15 to 30 years of age. The Union builds good character, love for the nation, and encourages good citizenship, soft skills and personal fitness.

The Union was founded on March 26, 1931, by the beloved President Ho Chi Minh. It had different names over the years. One of its first names was the 'Vietnam Communist Youth Union'. In December 1976, it was officially named as it is called today: Ho Chi Minh Communist Youth Union. However, people normally use the name 'The Youth Union' for short.

The Youth Union, together with other youth organizations such as the Young Pioneers Organization, the Vietnam Youth Federation, the Vietnam Students Union, often hold social activities such as Helping the Handicapped, Cleaning the Environment, Green Summer Volunteers Campaign, and other similar movements. These activities aim to help the young develop their public awareness and form their personality.

Ever since the Union was founded, its aims and principles, established by President Ho Chi Minh, have been the guidelines for the young Vietnamese people of today and tomorrow.

III. TASKS

Task 1. Fill in the missing information.

(Hãy điền thông tin còn thiếu.)

- a) The Youth Union was founded in _____
- b) In _____ the Youth Union was officially named as it is called today.
- c) The Youth Union's activities aim to help the young develop _____
- d) Its aims and principles have been _____ for the young Vietnamese people of today and tomorrow.

KEY

- a) The Youth Union was founded in **1931**.
- b) In **1976** the Youth Union was officially named as it is called today.
- c) The Youth Union's activities aim to help the young develop **their public awareness and form their personality**.
- d) Its aims and principles have been **the guidelines** for the young Vietnamese people of today and tomorrow.

Task 2. Answer. Then write the answers in your exercise book.

(Trả lời. Sau đó viết các câu trả lời vào trong vở bài tập.)

- a) At what age can one join the Youth Union?
- b) When was the Youth Union founded?
- c) What is the complete name of the Youth Union?
- d) Can you name some social activities of the Youth Union?
- e) What do these activities aim to help?
- f) Who established the guidelines for the Vietnamese youth?
- g) *(open question - optional)*

What names have the Youth Union had over the years?

KEY

- a) From 15 to 30 years of age can join the Youth Union.
- b) Union was founded on March 26, 1931.
- c) Ho Chi Minh Communist Youth Union is the complete name of the Youth Union.
- d) These are Helping the Handicapped, Cleaning Environment, Green Summer Volunteers Campaign, ...
- e) These activities aim to help the young develop their public awareness and form their personality.
- f) President Ho Chi Minh established the guidelines for the Vietnamese Youth.
- g) The Youth Union had different names over the years. Its name was "Vietnam Communist Youth Union", "Ho Chi Minh Communist Youth Union", ...

IV. HOMEWORK

- Memorize vocabulary.
- Rewrite the passage about BSA using your own words.
- Do exercise 3 on page 39 of workbook.

B. BÀI TẬP

I. Reported Speech.

1. "Don't stay up late tonight" Mrs. Parker said to her children.
Mrs. Parker _____
2. He says "Don't be late for the meeting, Meg"
He _____

3. "Don't play with these things in the kitchen" My mom often say to us.
My mom _____
4. I said to him "Don't put your things here"
I _____
5. "Don't touch my paper on the desk" Mary said to them.
Mary _____
6. "Please put my books on this table" He said.
He _____
7. Mr. Pike said to us "Don't leave your bikes in this area"
Mr. Pike _____
8. Na said to me "Please help me with my exercise"
Na _____
9. I said to her "please do it again now"
I _____
10. "Don't spend too much your time on these games" My mother said
My mother _____

II/ Word form

1. The World Health _____ is an international one (organize)
2. The first world _____ festival was held in Prague in 1947 (young)
3. Because of the _____ her teacher, she decided to study law (encourage)
4. Charities rely on _____ contribution (volunteer)
5. We are going to have an _____ month (environment)
6. We should _____ lessons carefully before going to school (revision)

-----HÉT-----

4. MÔN: THỂ DỤC 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Chủ đề: NHẢY XA KIỂU NGỒI

- Hiểu biết cơ bản về Nhảy xa;
- Giới thiệu các động tác hỗ trợ nhảy xa kiểu ngồi. (HS tự tập luyện)

* **Kiến thức:** Hiểu biết cơ bản về nội dung nhảy xa; động tác hỗ trợ.

* **Kĩ năng:** Thực hiện cơ bản đúng một số động tác hỗ trợ trong nhảy xa. (Học sinh tự tập tại nhà).

1. Hiểu biết cơ bản về nội dung nhảy cao:

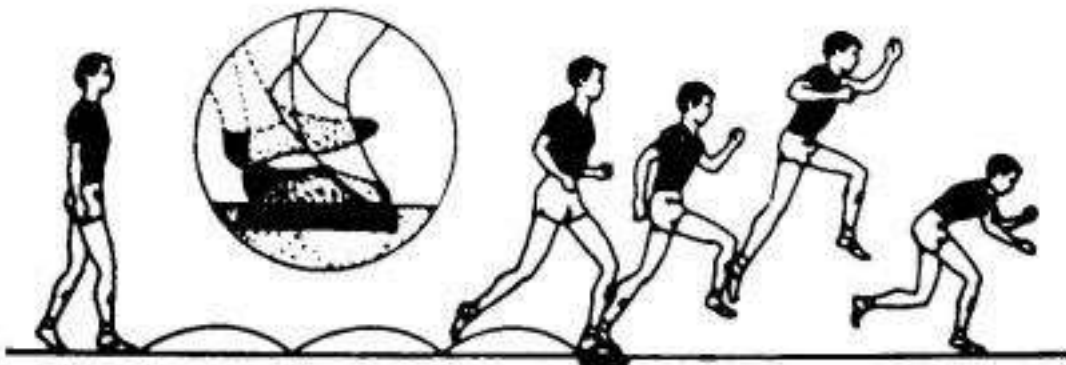
- Nhảy xa là một nội dung thi đấu của môn Điền kinh.
- Nhảy xa là chuỗi các hoạt động, động tác nhằm đưa thân người vượt qua một chướng ngại vật nằm ngang. Nhảy xa là hoạt động không có chu kì.
- Có 3 kiểu nhảy xa: Kiểu ngồi, kiểu cắt kéo, kiểu uốn thân.
- Trong kĩ thuật nhảy xa được chia làm 4 giai đoạn: Chạy đà, giậm nhảy, trên không và tiếp đất.

2. Động tác hỗ trợ của nhảy xa kiểu ngồi:

* **Nhảy bước bộ trên không:**

- **Chuẩn bị:** Đứng chân lằng chạm đất cả bàn chân sát vạch XP cách vạch từ 3-5 bước đà chân giậm ở phía sau thân người thẳng 2 tay bung tự nhiên, trọng tâm dồn vào chân trước.

- **Động tác:** Chạy 3-5 bước đà đặt cả bàn chân vào vạch giậm nhảy, sau đó dùng sức mạnh của chân đạp mạnh xuống đất để bật người lên cao ra trước. Tiếp theo chân giậm nhảy duỗi thẳng ở phía sau, chân lằng nâng đùi lên cao, căng chân thả lỏng, 2 tay đánh phối hợp cách tay ngang vai để giữ thẳng bằng. Giữ nguyên tư thế như vậy ở trên không gọi là giai đoạn bước bộ trên không. trong một thời nhất định. Sau đó chân lằng chủ động tiếp đất, chùng gối để giảm chấn động.



B. LUYỆN TẬP:

1. Khởi động: Xoay các khớp: Cổ, cổ tay, cổ chân, khớp khuỷu, khớp vai; vặn mình, xoay hông, lườn, bụng; ép dọc, ép ngang (thực hiện mỗi động tác 2x8 nhịp)

2. Tập luyện: Động tác hỗ trợ nhảy xa kiểu ngồi. (HS tự tập luyện)

- Học sinh nghiên cứu tài liệu, kết hợp hướng dẫn của giáo viên để hiểu biết về nhảy xa và tự tập để thực hiện cơ bản đúng các động tác hỗ trợ nhảy xa kiểu ngồi: ***Nhảy bước bộ trên không.***

- Tùy điều kiện thực tế về sân bãi, mà học sinh tự tập luyện các nội dung có thể thực hiện được tại nhà.

3. Hồi tĩnh, thả lỏng:

Sau buổi tập, học sinh thực hiện các động tác thả lỏng, hồi tĩnh: Hít thở sâu, tại chỗ thả lỏng các nhóm cơ tay, chân; các động tác căng giãn cơ.

-----HẾT-----

5. MÔN: LỊCH SỬ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

BÀI 16: LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I-/ CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI VÀ CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC KINH TẾ (1921-1925)

1/Hoàn cảnh

-Sau chiến thắng ngoại xâm và nội phản: kinh tế bị tàn phá nặng nề, bệnh dịch và nạn đói trầm trọng, bọn phản CM chống phá ở nhiều nơi...

-Tháng 3/1921, nước Nga Xô viết thực hiện “Chính sách kinh tế mới” do Lê-nin đề xướng.

2/Nội dung

- Bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa, thay bằng thu thuế lương thực
- Thực hiện tự do buôn bán, mở lại các chợ
- Tư nhân được mở xí nghiệp nhỏ
- Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga

3/Kết quả

-Các ngành kinh tế đều phục hồi và phát triển nhanh chóng.

-Đời sống nhân dân được cải thiện.

-Tháng 12/1922, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) được thành lập.

II-/CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ

(1925-1941) (tích hợp với phần II-bài 22)

1/ Thành tựu nổi bật

***Về kinh tế**

-Năm 1936 sản lượng công nghiệp đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới.

-Xây dựng nền nông nghiệp tập thể hóa, cơ giới hóa, quy mô sản xuất lớn.

*Về xã hội: các giai cấp bóc lột bị xóa bỏ.

***Về văn hóa-giáo dục**

-Thanh toán nạn mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở

-Phát triển hệ thống giáo dục quốc dân, xóa bỏ các tư tưởng lạc hậu và tàn dư của chế độ cũ.

*Về khoa học –kỹ thuật và văn học, nghệ thuật

-Các cơ sở nghiên cứu khoa học rộng lớn, được trang bị đầy đủ, có nhiều thành tựu rực rỡ thuộc đỉnh cao khoa học của thế giới

-Văn học, nghệ thuật có nhiều cống hiến to lớn cho nhân loại.

2/ Ý nghĩa

-Những thành tựu về kinh tế đã đưa Liên Xô trở thành cường quốc Xã hội chủ nghĩa duy nhất trên thế giới

-Xây dựng một nền văn hóa mới trên cơ sở tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lê nin và kế thừa tinh hoa văn hóa của nhân loại – đó là Văn hóa Xô viết.

Bài 17: CHÂU ÂU GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I-/ CHÂU ÂU TRONG NHỮNG NĂM 1918 – 1929

-Xuất hiện một số quốc gia mới trên cơ sở tan vỡ của đế quốc Áo-Hung và thất bại của đế quốc Đức.

-Giai đoạn 1918-1923:

+ Hầu hết các nước châu Âu bị suy sụp về kinh tế

+ Cao trào cách mạng bùng nổ ở → nền thống trị của giai cấp tư sản không ổn định.

-Giai đoạn 1924-1929:

- + Chính quyền tư sản đẩy lùi cao trào CM, củng cố nền thống trị.
- + Kinh tế phục hồi, sản xuất công nghiệp phát triển nhanh.

II-/ CHÂU ÂU TRONG NHỮNG NĂM 1929 – 1939

-Từ năm 1929-1933 cuộc khủng hoảng kinh tế bùng nổ trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

➡ Hậu quả:

- Tàn phá nặng nề nền kinh tế các nước tư bản
- Hàng trăm triệu người lao động bị đói khổ
- Các nước tư bản tìm cách thoát khỏi khủng hoảng bằng cách:
 - + Tiến hành cải cách kinh tế - xã hội (Anh, Pháp, ...)
 - + Phát xít hóa chế độ thống trị và phát động chiến tranh chia lại thế giới (Đức, Ý,...).

B. LUYỆN TẬP

Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1.Để khôi phục kinh tế (1921-1925) nước Nga Xô viết đã thực hiện chính sách nào?

- A. Chính sách kinh tế mới
- B. Chính sách ruộng đất mới
- C. Chính sách nam nữ bình quyền
- D. Chính sách trung thu lương thực thừa

2.Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), tình hình các nước châu Âu như thế nào?

- A. Thu được nhiều lợi nhuận từ chiến tranh, kinh tế phát triển
- B. Kinh tế phát triển nhưng nền thống trị của giai cấp tư sản không ổn định
- C. Kinh tế bị suy sụp, nền thống trị của giai cấp tư sản không ổn định.
- D. Các đáp án đều sai.

3. Cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nhất trong thế giới tư bản chủ nghĩa diễn ra từ

- A. Năm 1919 – 1933
- B. Năm 1929 – 1933
- C. Năm 1919 – 1923
- D. Năm 1929 – 1939

4.Hậu quả nghiêm trọng nhất mà Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) dẫn đến là gì?

- A. Tàn phá nặng nề nền kinh tế các nước tư bản
- B. Hàng trăm triệu người lao động bị đói khổ
- C. Tình hình chính trị của các nước tư bản cũng lâm vào khủng hoảng
- D. Hình thành chủ nghĩa phát xít và âm mưu gây chiến tranh thế giới

C. DẶN DÒ

- HS ghi chép nội dung trọng tâm bài học 16, 17 và đọc thêm SGK để nắm vững kiến thức bài học.

- Bài 17-Phần II, mục 2: HS đọc SGK

- Xem trước bài 18 và 19 chuẩn bị cho tiết học ở Tuần 14.

-----HẾT-----

6. MÔN: NGỮ VĂN 8

CHỦ ĐỀ: VĂN THUYẾT MINH

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG GHI BÀI):

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. Vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh

1. Văn bản thuyết minh trong đời sống con người.

* VD: SGK/115

* Nhận xét:

- Văn bản a: trình bày lợi ích và đặc điểm riêng của cây dừa Bình Định.
 - Văn bản b: Giải thích về tác dụng của chất diệp lục
 - Văn bản c: Giới thiệu Huế như một trung tâm văn hoá nghệ thuật lớn của Việt Nam.
- > là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống.

2. Đặc điểm chung của văn bản thuyết minh.

- Trình bày những đặc điểm cơ bản của đối tượng.
- Trình bày một cách khách quan để người đọc hiểu về đối tượng đó.
- Không có hư cấu tưởng tượng cảm xúc cá nhân.
- Phương thức: trình bày, giới thiệu, giải thích
- Ngôn ngữ: rõ ràng, chính xác, mang tính khoa học.

* **Ghi nhớ:**

- Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất... của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng cách trình bày, giải thích, giới thiệu.

- Tri thức trong văn bản thuyết minh mang tính khách quan, tiêu biểu, xác thực, hữu ích cho con người.

- VBTM cần được trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn

II. Luyện tập

Bài tập 1:

HS: Cả hai văn bản đều là văn bản thuyết minh vì:

* Văn bản a: Cung cấp kiến thức về lịch sử (sự kiện lịch sử của dân tộc).

*Văn bản b: Cung cấp kiến thức về sinh vật.

PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

I - Tìm hiểu các phương pháp thuyết minh

1 - Quan sát, học tập, tích lũy kiến thức để làm bài văn thuyết minh.

Để nắm bắt được bản chất đặc trưng của đối tượng cần thuyết minh.

2 Phương pháp thuyết minh

a. Nêu định nghĩa, giải thích.

- Kiểu câu trần thuật có từ là

Thường ở vị trí đầu bài, đầu đoạn, giữ vai trò giới thiệu

b. Phương pháp liệt kê.

Giúp người đọc hiểu sâu sắc, toàn diện về đối tượng được thuyết minh.

c. Phương pháp nêu ví dụ và số liệu.

Làm cho vấn đề trở nên cụ thể, có sức thuyết phục.

c. Phương pháp so sánh.

Người đọc hình dung cụ thể hơn về đối tượng thuyết minh.

d. Phương pháp phân loại, phân tích.

Giới thiệu đối tượng cụ thể, dễ nắm bắt.

*** Lưu ý :**

- 1 bài văn có thể dùng nhiều PPTM

- Văn TM có dùng các biện pháp NT sẽ thêm sinh động, hấp dẫn

* Ghi nhớ : SGK /128

II - Luyện tập

Bài 3 : văn bản Ngã ba Đồng Lộc :sgk /129

- Kiến thức phải cụ thể, đúng đắn, chính xác.

- Phương pháp : Nêu số liệu.

ĐỀ VĂN THUYẾT MINH VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN THUYẾT MINH

I. Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh:

1. Đề văn thuyết minh.

a. Ví dụ:

b. Nhận xét.

- Đối tượng: con người, đồ vật, di tích, con vật, cây cối, món ăn, lễ, Tết....

- Yêu cầu của đề: giới thiệu, thuyết minh.

-> Đề văn thuyết minh nêu yêu cầu và đối tượng để người làm bài trình bày tri thức về chúng

GN1/sgk 140

2. Cách làm bài văn thuyết minh.

a- Ví dụ: VB Xe đạp.

b. Nhận xét.

- Đối tượng thuyết minh: xe đạp

-Bố cục: 3 phần

+ P1: GT về xe đạp

+P2: thuyết minh về cấu tạo, nguyên lý chuyển động và vai trò của xe đạp.

+P3: Khẳng định vai trò của xe đạp trong XHHĐ

- Các PPTM:

+ PP nêu khái niệm (câu 2 phần MB)

+ PP liệt kê (các bộ phận của xe đạp)

+ PP phân tích (chia các bộ phận của xe đạp làm nhiều hạng mục để giới thiệu cho chi tiết. đầy đủ

GN2,3 /sgk 140

II. Luyện tập.

Bài 1. Giới thiệu về chiếc nón lá

MB: Nêu nhận định chung về nón lá

TB: - Nguồn gốc.

- Chất liệu
- Hình dáng
- Công dụng

KB: thái độ với chiếc nón lá

B/ BÀI TẬP

Làm dàn bài thuyết minh về cuốn sách giáo khoa ngữ văn lớp 8

-----**HẾT**-----

7. MÔN: SINH 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Bài 25+27 TIÊU HÓA Ở KHOANG MIỆNG VÀ DẠ DÀY

I. Tiêu hóa ở khoang miệng

1. Biến đổi lí học:

Sự phối hợp của răng, lưỡi, các cơ môi, cơ má, tuyến nước bọt làm thức ăn trở thành viên mềm, thấm đẫm nước bọt và dễ nuốt.

2. Biến đổi hoá học:

Một phần tinh bột chín được enzym Amilaza biến đổi thành đường mantôzơ.

II. Nuốt và đẩy thức ăn qua thực quản:

Thức ăn được nuốt xuống thực quản nhờ hoạt động chủ yếu của lưỡi và được đẩy qua thực quản xuống dạ dày nhờ hoạt động của các cơ thực quản.

I. Cấu tạo dạ dày:

- Hình túi, dung tích 3 lít.
- Thành có 4 lớp:
 - * lớp màng ngoài
 - * lớp cơ dày, khỏe (cơ vòng, cơ dọc, cơ chéo)
 - * lớp dưới niêm mạc
 - * lớp niêm mạc có nhiều tuyến vị tiết dịch vị.

II. Tiêu hóa ở dạ dày:

a) Biến đổi lí học:

Dạ dày co bóp, nhào trộn làm thức ăn nhuyễn và thấm đều dịch vị.

b) Biến đổi hoá học:

- enzym pepsin và HCl trong dịch vị phân cắt protein chuỗi dài thành protein chuỗi ngắn (3 – 10 axit amin)
- Thức ăn được tiêu hoá ở dạ dày từ 3 – 6 giờ rồi được đẩy dần từng đợt xuống ruột non.

B. LUYỆN TẬP:

1. Hãy giải thích nghĩa đen về mặt sinh học của câu thành ngữ “Nhai kỹ no lâu”
2. Khi ta ăn cháo hay uống sữa, các loại thức ăn này có thể được biến đổi trong khoang miệng như thế nào?

C. DẶN DÒ:

- Đọc phần “em có biết”
- Học bài và làm bài luyện tập

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHỦ ĐỀ : TIÊU HÓA

Chương V: TIÊU HÓA

Bài 27: TIÊU HÓA Ở DẠ DÀY

I. Cấu tạo dạ dày:

- Hình túi, dung tích 3 lít.
- Thành có 4 lớp:
 - * lớp màng ngoài
 - * lớp cơ dày, khỏe (cơ vòng, cơ dọc, cơ chéo)
 - * lớp dưới niêm mạc
 - * lớp niêm mạc có nhiều tuyến vị tiết dịch vị.

II. Tiêu hóa ở dạ dày:

1) Biến đổi lý học:

Dạ dày co bóp, nhào trộn làm thức ăn nhuyễn và thấm đều dịch vị.

2) Biến đổi hoá học:

- enzym pepsin và HCl trong dịch vị phân cắt protein chuỗi dài thành protein chuỗi ngắn (3 – 10 axit amin)
- Thức ăn được tiêu hoá ở dạ dày từ 3 – 6 giờ rồi được đẩy dần từng đợt xuống ruột non.

B. LUYỆN TẬP:

1. Trình bày biến đổi lý học và biến đổi hoá học ở dạ dày?
2. Với khẩu phần thức ăn đầy đủ các chất, sau tiêu hóa ở dạ dày thì còn những loại thức ăn nào trong thức ăn cần được tiêu hóa tiếp?

C. DẶN DÒ:

- Đọc “em có biết”
- Làm bài luyện tập
- Học bài
- Xem bài 28: Tiêu hóa ở ruột non

-----HẾT-----

8. MÔN: MỸ THUẬT 8

BÀI 8 : TẠO DÁNG VÀ TRANG TRÍ CHẬU CẢNH (TIẾT 1)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I . Quan sát, nhận xét :

- Chậu cảnh có nhiều loại với nhiều hình dáng khác nhau : loại to, nhỏ, loại cao, thấp, loại miệng hình tròn, hình đa giác đều...
- Một số nơi sản xuất chậu cảnh nổi tiếng ở nước ta là : Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội), Đông Triều (Quảng Ninh), Đồng Nai, Bình Dương,...

II. Cách tạo dáng và trang trí chậu cảnh :

1. Tạo dáng :

- Phác khung hình và đường trục để tìm dáng chậu (cao, thấp, rộng, hẹp).
- Tìm tỉ lệ các phần (miệng, cổ, thân,...) và vẽ hình dáng chậu.

2. Trang trí :

- Tìm bố cục và hoạ tiết trang trí thân chậu.
- Tìm màu của hoạ tiết và thân chậu sao cho hài hoà (không nên dùng quá nhiều màu).

B. LUYỆN TẬP:

Tạo dáng và trang trí một chậu cảnh.

-----HẾT-----

9. MÔN: GDCD 8

Tích hợp: Bài 5: Pháp luật và kỷ luật

Bài 21: Pháp luật nước CHXHCNVN

CHỦ ĐỀ: PHÁP LUẬT NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM (04 tiết)

Tiết 4

A . LÝ THUYẾT (Nội dung cần học)

1. Ý nghĩa của pháp luật và kỉ luật

Giúp mọi người có một chuẩn mực chung để rèn luyện và thống nhất hành động;

- Xác định trách nhiệm và quyền lợi của mọi người;
- Tạo điều kiện cho cá nhân và xã hội phát triển theo một hướng chung.

*Học sinh cần tự giác thực hiện đúng qui định của nhà trường, cộng đồng, pháp luật của nhà nước.

B . LUYỆN TẬP :

Câu 1 : Ý nghĩa của pháp luật và kỉ luật là gì?

Học sinh xem phần lý thuyết.

Câu 2: Học sinh cần thực hiện đúng qui định của nhà trường, cộng đồng, pháp luật của nhà nước như thế nào?

- Học sinh có trách nhiệm thực hiện đúng luật giao thông, không sa vào các tệ nạn xã hội, tuyên truyền, vận động bạn bè người thân thực hiện đúng pháp luật.
- Tham gia tích cực các hoạt động học tập ở trường , lớp; không đánh nhau với bạn bè, đi học đúng giờ, đúng đồng phục.
- Tôn trọng những qui định ở những nơi công cộng :bệnh viện, siêu thị, công viên....

C . DẶN DÒ:

+ Học nội dung (ý nghĩa của pháp luật và kỉ luật)

+ Xem trước bài 2: Liêm khiết/ sgk/ 6, 7

-----HẾT-----

10. MÔN: TIN HỌC 8

Bài 5

TỪ BÀI TOÁN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH (tt)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIẢI):

4. Một số ví dụ về thuật toán.

Ví dụ 1: Một hình A được ghép từ một hình chữ nhật với chiều rộng $2a$, chiều dài b và một hình bán nguyệt bán kính a như hình 1.28



Hình 1.28

INPUT: Các số a là $\frac{1}{2}$ chiều rộng của hình chữ nhật và là bán kính của hình bán nguyệt, b là chiều dài của hình chữ nhật.

OUTPUT: Diện tích hình A.

Thuật toán

- Bước 1. $S_1 \leftarrow 2a \times b$ (Tính diện tích hình chữ nhật);
- Bước 2. $S_2 \leftarrow \frac{\pi a^2}{2}$ (Tính diện tích hình bán nguyệt);
- Bước 3. $S \leftarrow S_1 + S_2$ và kết thúc.

Ví dụ 2: Tính tổng của 100 số tự nhiên đầu tiên.

INPUT: Dãy 100 số tự nhiên đầu tiên: $1, 2, \dots, 100$.

OUTPUT: Giá trị của tổng $1+2+\dots+100$.

Thuật toán

- Bước 1. $SUM \leftarrow 0; i \leftarrow 0$.
- Bước 2. $SUM \leftarrow SUM + i; i \leftarrow i + 1$.

- Bước 3. Nếu $i \leq 100$, thì quay lại bước 2, ngược lại thông báo giá trị của SUM và kết thúc thuật toán.

B. LUYỆN TẬP:

1) Hãy cho biết kết quả của thuật toán sau với $a=4$, $b=5$.

- Bước 1. $S_1 \leftarrow 2a \times b$;
- Bước 2. $S_2 \leftarrow \frac{\pi a^2}{2}$;
- Bước 3. $S \leftarrow S_1 + S_2$ và kết thúc.

2) Hãy cho biết kết quả của thuật toán sau:

- Bước 1. $SUM \leftarrow 0$; $i \leftarrow 0$.
- Bước 2. Nếu $i > 10$ thì chuyển đến bước 4.
- Bước 3. $i \leftarrow i+1$; $SUM \leftarrow SUM + i$. Quay lại bước 2.
- Bước 4. Thông báo giá trị SUM và kết thúc thuật toán.

C. DẶN DÒ

Các em học bài, làm bài tập trên trang lớp học, xem bài 6 sgk trang 46 đến 50.

-----HẾT-----

11. MÔN: CÔNG NGHỆ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHƯƠNG IV - CHI TIẾT MÁY VÀ LẮP GHÉP

Tiết 25-Bài 27: MỐI GHÉP ĐỘNG

I. Thế nào là mối ghép động :

Mối ghép động là mối ghép mà các chi tiết được ghép có sự chuyển động tương đối với nhau.

Mối ghép động (khớp động): khớp tịnh tiến, khớp quay, khớp cầu,..

II. Các loại khớp động:

1) *Khớp tịnh tiến:*

a) Cấu tạo:

- Mối ghép pit-tông-xi lanh có mặt tiếp xúc là mặt trụ tròn.
- Mối ghép sòng trượt-rãnh trượt có mặt tiếp xúc là mặt phẳng.

b) Đặc điểm: (xem SGK)

c) Ứng dụng: dùng trong cơ cấu biến chuyển động tịnh tiến thành chuyển động quay hoặc ngược lại.

2) *Khớp quay:*

a) Cấu tạo:

- Trong khớp quay, mỗi chi tiết chỉ có thể quay quanh một trục cố định so với chi tiết kia.

- Ở khớp quay, mặt tiếp xúc thường là mặt trụ tròn.

b) Ứng dụng: dùng nhiều trong các thiết bị, máy như : bản lề cửa, xe đạp, xe máy, quạt điện,..

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Hãy cho biết mặt tiếp xúc của khớp tịnh tiến? Ứng dụng của khớp tịnh tiến ?

Câu 2: Hãy cho biết mặt tiếp xúc của khớp quay ? Ứng dụng của khớp quay ?

C. DẶN DÒ:

- HS ôn lại nội dung bài học, ghi chép bài vào tập.

- Hoàn thành bài tập tuần 12 và tuần 13 trên trang lớp học kết nối, hạn chót 17h-04/12/21

- Xem trước bài 29.

CHƯƠNG V : TRUYỀN VÀ BIẾN ĐỔI CHUYỂN ĐỘNG

Tiết 26-Bài 29: TRUYỀN CHUYỂN ĐỘNG

I. Tại sao cần truyền chuyển động?

Vì: - Các bộ phận của máy thường đặt xa nhau và đều được dẫn động từ một chuyển động ban đầu.

- Các bộ phận của máy thường có tốc độ quay không giống nhau.

II. Bộ truyền chuyển động:

1. Truyền động ma sát- truyền động đai:

a) Cấu tạo bộ truyền động đai:

Truyền động ma sát là là cơ cấu truyền chuyển động quay nhờ lực ma sát giữa các mặt tiếp xúc của vật dẫn và vật bị dẫn.

Cấu tạo bộ truyền động đai gồm 03 bộ phận chính: bánh dẫn, bánh bị dẫn, dây đai.

b) Nguyên lý làm việc: (xem SGK)

Khi bánh dẫn 1 (đường kính D_1) quay với tốc độ $n_d (n_1)$ (vòng/phút), nhờ lực ma sát giữa dây đai và bánh đai, bánh bị dẫn 2 (đường kính D_2) sẽ quay với tốc độ $n_{bd} (n_2)$ (vòng/phút), tỉ số truyền i được xác định bởi công thức:

$$i = \frac{D_1}{D_2} = \frac{n_2}{n_1}$$

c) Ứng dụng: (xem SGK)

2. Truyền động ăn khớp:

Để khắc phục sự trượt của truyền động đai người ta dùng chuyển động ăn khớp.

a) Cấu tạo bộ truyền động

Bộ truyền động bánh răng: Bánh dẫn và bánh bị dẫn.

Bộ truyền động xích: Đĩa dẫn, đĩa bị dẫn, xích.

b) Tính chất

Nếu bánh 1 có số răng là Z_1 , tốc độ quay n_1 (vòng/phút), bánh 2 có số răng là Z_2 , tốc độ quay n_2 (vòng/phút) thì tỉ số truyền i :

$$i = \frac{n_2}{n_1} = \frac{Z_1}{Z_2}$$

Từ hệ thức trên ta thấy bánh răng(hoặc đĩa xích) nào có số răng ít hơn thì sẽ quay nhanh hơn.

c) Ứng dụng: (xem SGK)

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Tại sao máy và thiết bị cần phải truyền chuyển động?

Câu 2: Cho biết phạm vi ứng dụng của các bộ truyền động?

C. DẶN DÒ:

- HS ôn lại nội dung bài học, ghi chép bài vào tập.

- Hoàn thành bài tập tuần 12 và tuần 13 trên trang lớp học kết nối, hạn chót 17h-04/12/21

- Xem trước bài 30

-----HẾT-----

12. MÔN: ÂM NHẠC KHỐI 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 11:

- Ôn tập bài hát: Tuổi hồng

- Ôn tập đọc nhạc: TĐN số 3

- Âm nhạc thường thức: Giới thiệu nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu và bài hát Bóng cây Konia

2. Ôn tập bài hát: Tuổi hồng:

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời bài hát Chúng em cần hòa bình

- Tập trình bày bài hát có tình cảm

2. Ôn tập bài Tập đọc nhạc: TĐN số 3 :

- Tập đọc tên nốt và giai điệu bài TĐN số 3

- Tập ghép lời bài đọc

3. Âm nhạc thường thức:

a. Giới thiệu nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu:

Phan Huỳnh Điểu (1924 – 2015) là một trong những nhạc sĩ tiêu biểu nhất của nền âm nhạc đương đại Việt Nam.

Ông sinh ra tại Đà Nẵng và là người con thứ 11 trong một gia đình có cha làm thợ may.

Ông bắt đầu hoạt động âm nhạc từ năm 1940 trong nhóm tân nhạc với ca khúc đầu tay là Trầu cau.

Sáng tác của ông được biết rộng rãi nhất là bài Đoàn giải phóng quân viết cuối năm 1945.

Năm 1955, sau khi tập kết ra Bắc, ông công tác ở Ban Nhạc vũ, Hội văn nghệ Việt Nam. Năm 1957, khi thành lập Hội Nhạc sĩ Việt Nam, ông được cử vào Ban chấp hành là Ủy viên Thường vụ và công tác tại Hà Nội.

Sau 1975, Phan Huỳnh Điểu chuyển về Hội âm nhạc thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã sáng tác và công bố hơn 100 ca khúc với quá nửa trong số đó là các bài hát phổ thơ.

Bài hát tiêu biểu: Đoàn vệ quốc quân, Bóng cây Kơ nia, Đội kèn tí hon, Những em bé ngoan, Nhớ ơn Bác...

a. Giới thiệu bài hát Bóng cây Konia:

Bài hát sáng tác năm 1971 thời kì nước ta còn chia cắt thành 2 miền.

Bài hát miêu tả hình ảnh cô gái và bà mẹ hàng ngày lên nương nhìn bóng cây Konia lại nhớ tới người thân của mình đang chiến đấu nơi xa.

Bài hát thể hiện nỗi nhớ mong của người thân các chiến sĩ và mong muốn sẽ đoàn tụ trong tương lai.

B. LUYỆN TẬP:

- Tập hát diễn cảm bài hát Tuổi hồng
- Tập đọc nốt và giai điệu bài TĐN số 3, ghép lời bài đọc
- Tìm hiểu thêm về nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu và bài hát Bóng cây Konia

-----HẾT-----

13. MÔN: VẬT LÝ 8

BÀI 8. ÁP SUẤT CHẤT LỎNG – BÌNH THÔNG NHAU

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. SỰ TỒN TẠI CỦA ÁP SUẤT TRONG LÒNG CHẤT LỎNG:

Chất lỏng gây ra áp suất theo mọi phương lên đáy bình, thành bình và các vật trong lòng nó.

II. CÔNG THỨC TÍNH ÁP SUẤT CHẤT LỎNG:

| | | |
|-----------------|-----------|--|
| $p = d \cdot h$ | trong đó: | p: là áp suất tại một điểm trong chất lỏng (Pa) |
| | | d: trọng lượng riêng của chất lỏng (N/m ³) |
| | | h: độ sâu của điểm cần tính áp suất (m). |

Lưu ý: Những điểm trên cùng mặt phẳng nằm ngang (cùng độ sâu) thì có cùng áp suất.

III. BÌNH THÔNG NHAU:

Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên, các mặt thoáng của chất lỏng ở các nhánh khác nhau đều ở cùng một độ cao.

IV. MÁY THỦY LỰC:

1/ Cấu tạo: gồm 2 xilanh, một nhỏ, một to, được nối thông với nhau. Trong 2 xilanh chứa đầy chất lỏng, thường là dầu. Hai xilanh được đậy kín bằng 2 pít-tông.

2/ Nguyên tắc hoạt động:

- Khi tác dụng lực F_1 lên pít-tông nhỏ có diện tích S_1 tạo ra áp suất p lên chất lỏng. Áp suất này truyền nguyên vẹn đến pít-tông lớn S_2 và gây ra lực F_2 nâng pít-tông này lên.

$$\frac{F_2}{F_1} = \frac{S_2}{S_1}$$

Kết luận: Khi S_2 lớn hơn S_1 bao nhiêu lần thì F_2 cũng lớn hơn F_1 bấy nhiêu lần.

V. VẬN DỤNG: (HS xem ví dụ mẫu tuần sau làm bài tập)

1/ Tính áp suất tại 1 điểm cách mặt nước biển 10m. Biết trọng lượng riêng của nước biển là 10300 N/m³.

Tóm tắt: $h = 10$ m

$$d = 10300 \text{ N/m}^3$$

$$p = ? \text{ (Pa)}$$

Giải: Áp suất tại điểm cách mặt nước biển 10 m:

$$p = d \cdot h = 10300 \cdot 10 = 103000 \text{ (N/m}^2\text{)}$$

2/ Người ta dùng một lực 1000 N để nâng một nặng 50000 N bằng máy thủy lực. Hỏi diện tích của pít-tông lớn và pít-tông nhỏ của máy thủy lực này có đặc điểm gì?

Giải: Ta có:

$$\frac{F_2}{F_1} = \frac{S_2}{S_1} \Rightarrow \frac{S_2}{S_1} = \frac{50000}{1000} = 50$$

Vậy diện tích pít-tông lớn gấp 50 lần pít-tông nhỏ.

B. DẶN DÒ:

- Học bài.
- Xem ví dụ mẫu.
- Tuần sau luyện tập bài 7 và 8.

-----HẾT-----

14. MÔN: ĐỊA LÝ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Chủ đề 3: CÁC KHU VỰC CHÂU Á(TT)

II-KHU VỰC NAM Á:

3) Đặc điểm dân cư, kinh tế- xã hội

a) Dân cư:

- Dân số: 1356 triệu người (năm 2001).
- Mật độ dân số cao nhất Châu Á.
- Dân cư phân bố không đều, tập trung ở đồng bằng, khu vực có mưa nhiều, đô thị.
- Dân cư chủ yếu theo Ấn Độ giáo và Hồi giáo.

b) Kinh tế- xã hội:

- Các nước trong khu vực có nền kinh tế đang phát triển, hoạt động nông nghiệp vẫn là chủ yếu.
- Ấn Độ là nước có nền kinh tế phát triển nhất:
 - + Công nghiệp: hiện đại, nhiều ngành đạt trình độ cao. Sản lượng công nghiệp đứng thứ 10 thế giới.
 - + Nông nghiệp: phát triển mạnh, giải quyết tốt lương thực và thực phẩm.
 - + Dịch vụ: phát triển, chiếm tỉ trọng khá cao.

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Nam Á là khu vực đông dân thứ mấy của châu Á

- A. 1 B. 2
C. 3 D. 4

Câu 2: Nam Á là nơi phát sinh ra hai tôn giáo lớn nào

- A. Ấn Độ giáo và Hồi giáo
B. Ấn Độ giáo và Ki-tô-giáo
C. Ấn Độ giáo và Phật giáo
D. Phật giáo và Hồi giáo

Câu 3: Quốc gia phát triển nhất Nam Á là

- A. Ấn Độ
B. Nê-pan
C. Băng-la-det
D. Pa-kit-tan

Câu 4: Hoạt động kinh tế chủ yếu của hầu hết các nước trong khu vực Nam Á là

- A. Dịch vụ
B. Công nghiệp
C. Nông nghiệp
D. Khai thác dầu mỏ

Câu 5: Ngày nay, về giá trị sản lượng công nghiệp, Ấn Độ đứng thứ mấy trên thế giới

- A. 7 B. 8
C. 9 D. 10

Câu 6: Nam Á có bao nhiêu quốc gia:

- A. 7 B. 8
C. 9 D. 10

*** Dặn dò:**

- Trả lời câu hỏi phần luyện tập.
- Xem bài tiếp theo.

-----HẾT-----

***** HỌC SINH GHI CHÉP LẠI CÂU HỎI, THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BỘ
MÔN THEO MẪU DƯỚI ĐÂY!!!**

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS:

Lớp:

| STT | Môn học | Nội dung học tập | Câu hỏi của học sinh |
|------------|----------------|-------------------------|-----------------------------|
| 1 | Ngữ văn | | |
| 2 | Toán | | |
| 3 | Vật lý | | |
| 4 | Hóa học | | |
| 5 | GDCD | | |
| 6 | Tin học | | |
| 7 | Công nghệ | | |

| | | | |
|----|-----------|--|--|
| 8 | Sinh học | | |
| 9 | Mỹ thuật | | |
| 10 | Thể dục | | |
| 11 | Tiếng Anh | | |
| 12 | Lịch sử | | |
| 13 | Địa lý | | |
| 14 | Âm nhạc | | |